

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
GENERAL STATISTICS OFFICE
CỤC THỐNG KÊ TỈNH THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN STATISTICS OFFICE

**NIÊN GIÁM THỐNG KÊ
TỈNH THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN STATISTICAL YEARBOOK
2017**

THÁI NGUYÊN, 2018

LỜI NÓI ĐẦU

Niên giám Thống kê là ấn phẩm được Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên xuất bản hàng năm, bao gồm những số liệu thống kê cơ bản phản ánh khái quát về thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh; những số liệu thống kê chủ yếu về kết quả các cuộc điều tra và Tổng điều tra trong những năm gần đây.

Trong cuốn “Niên giám Thống kê năm 2017”, số liệu được biên soạn theo dãy số 5 năm (2010;2014-2017). Số liệu các năm dựa theo kết quả điều tra doanh nghiệp, điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông lâm nghiệp thủy sản hàng năm và các cuộc điều tra thường xuyên khác. Bên cạnh đó một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh dãy số hàng năm dựa theo kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017; kết quả chính thức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016; điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014... Các số liệu thống kê chia ra theo huyện/thành phố/thị xã đã được cập nhật theo địa giới hành chính hiện hành đến thời điểm 31/12/2017; ngoài ra còn biên soạn một số chỉ tiêu chủ yếu của cả nước, các tỉnh vùng Thủ đô và vùng Trung du, Miền núi phía Bắc nhằm cung cấp thêm tư liệu tham khảo, nghiên cứu của độc giả.

Hệ thống chỉ tiêu trong Niên giám thống kê được áp dụng theo bảng Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ). Các chỉ tiêu, số liệu được tính toán theo giá so sánh năm 2010; được thu thập, tính toán theo các phương pháp quy định hiện hành của ngành Thống kê Việt Nam.

Trong quá trình biên soạn chắc chắn không tránh khỏi sơ xuất, kính mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp để Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên nghiên cứu bổ sung cho kỳ xuất bản sau./.

CỤC THỐNG KÊ TỈNH THÁI NGUYÊN

MỤC LỤC – CONTENTS

	Trang Page
1 LỜI NÓI ĐẦU - <i>FOREWORD</i>	3
2 TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI THÁI NGUYÊN NĂM 2017 <i>OVERVIEW ON SOCIO-ECONOMIC SITUATION IN THAINGUYEN IN 2017</i>	7
3 ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, ĐẤT ĐAI VÀ KHÍ HẬU <i>ADMINISTRATIVE UNIT, LAND AND CLIMATE</i>	13
4 DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG - <i>POPULATION AND LABOUR</i>	29
5 TÀI KHOẢN QUỐC GIA, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ BẢO HIỂM <i>NATIONAL ACCOUNTS, STATE BUDGET AND INSURANCE</i>	67
6 ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - <i>INVESTMENT AND CONSTRUCTION</i>	95
7 DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ VÀ CƠ SỞ SXKD CÁ THỂ <i>ENTERPRISE, COOPERATIVE AND INDIVIDUAL BUSINESS ESTABLISHMENT</i>	121
8 NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN <i>AGRICULTURE, FORESTRY AND FISHING</i>	195
9 CÔNG NGHIỆP - <i>INDUSTRY</i>	271
10 THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH - <i>TRADE AND TOURISM</i>	303
11 CHỈ SỐ GIÁ - <i>PRICE</i>	323
12 VẬN TẢI, BƯU CHÍNH VÀ VIỄN THÔNG <i>TRANSPORT, POSTAL SERVICES AND TELECOMMUNICATIONS</i>	341
13 GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ <i>EDUCATION, TRAINING AND SCIENCE, TECHNOLOGY</i>	355
14 Y TẾ VÀ THỂ THAO - <i>HEALTH AND SPORT</i>	389
15 MỨC SỐNG DÂN CƯ, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI, TỰ PHÁP VÀ MÔI TRƯỜNG <i>LIVING STANDARDS, SOCIAL ORDER, SAFETY AND ENVIRONMENT</i>	411
16 BIỂU TỔNG HỢP MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN (KẾT QUẢ TỔNG HỢP NHANH) <i>SOME MAIN INDICATORS OF ECONOMIC CENSUS (QUICKLY RESULTS)</i>	435
17 MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA CẢ NƯỚC, CỦA 10 TỈNH TRONG VÙNG THỦ ĐỒ VÀ 14 TỈNH THUỘC VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC <i>SOME MAIN INDICATORS OF THE WHOLE COUNTRY, 10 PROVINCE OF CAPITAL REGIONAL AND 14 PROVINCIAL OF NORTHERN MIDLANDS AND MOUNTAINS AREAS</i>	449

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI THÁI NGUYÊN NĂM 2017

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2017 tăng 12,75% so với năm 2016, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,17%, thấp nhất kể từ năm 2010 trở lại đây do ảnh hưởng của việc biến động giá cả sản phẩm chăn nuôi xuống thấp, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 17,25%, thấp hơn mức tăng 23,54% của năm trước, đóng góp 10,27 điểm phần trăm (riêng ngành công nghiệp đóng góp 9,75 điểm phần trăm tăng trưởng chung); khu vực dịch vụ và thuê sản phẩm tăng 7,58%, đóng góp 2,21 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Tuy mức tăng trưởng năm 2017 thấp hơn so với năm 2016, nhưng vẫn tăng cao hơn so với mức tăng trưởng chung 6,81% của cả nước.

Quy mô GRDP năm 2017 theo giá hiện hành đạt 85.464 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 68 triệu đồng, tương đương 2.992 USD (tăng 280 USD so với năm 2016). Về cơ cấu nền kinh tế năm 2017, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 56,4%; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 28%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4%.

2. Thu, chi ngân sách Nhà nước và Bảo hiểm

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2017 ước đạt 12.643 tỷ đồng, tăng 2.827 tỷ đồng (tăng 28,8%) so với năm 2016. Tổng chi trong cân đối ngân sách địa phương năm 2017 ước tính đạt 10.275 tỷ đồng, tăng 2,4% so với năm 2016.

Tổng thu bảo hiểm năm 2017 đạt 4.610 tỷ đồng, trong đó thu Bảo hiểm xã hội (BHXH) đạt 3.068 tỷ đồng; Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 1.314 tỷ đồng; Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt 228 tỷ đồng. Tổng số chi bảo hiểm năm 2017 đạt 4.636 tỷ đồng, trong đó chi BHXH đạt 3.208 tỷ đồng; BHYT đạt 1.376 tỷ đồng; BHTN đạt 51,9 tỷ đồng. Tổng số dư bảo hiểm cuối năm 2017 là -62 tỷ đồng.

3. Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2017 theo giá hiện hành ước đạt 50.009 tỷ đồng, giảm 7,8% so với năm 2016, bằng 58,5% GRDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 3.633 tỷ đồng, chiếm 7,27% tổng vốn; khu vực ngoài nhà nước đạt 19.455 tỷ đồng, chiếm 38,9%; khu vực đầu tư nước ngoài đạt 26.921 tỷ đồng, chiếm 53,83%.

Về thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, năm 2017 có 14 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 16,31 triệu USD, giảm 11 dự án (giảm 44%) và giảm 115,54 triệu USD về vốn đăng ký năm 2016. Tính chung tổng số dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép từ 1993 đến nay đạt 158 dự án với số vốn đăng ký đạt 7.294 triệu USD và vốn thực hiện đạt 7.095 triệu USD.

4. Chỉ số giá

Năm 2017 tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, nhưng kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; lạm phát ở mức thấp. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) cả năm 2017 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tăng 2,33% so với bình quân cùng kỳ, thấp hơn so với mức tăng 4,37% của bình quân năm 2016 và thấp hơn so với mức tăng 3,53% của bình quân chung cả nước (do giá thực phẩm của tỉnh Thái Nguyên giảm nhiều hơn so mức giảm của cả nước).

Chỉ số giá vàng tháng 12/2017 tăng 5,33% so với tháng 12 năm 2016; bình quân cả năm 2017 tăng 3,9% so với bình quân năm 2016. Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 12/2017 tăng 0,14% so với tháng 12 năm 2016; bình quân cả năm 2017 tăng 1,6% so với bình quân năm 2016.

5. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp

Theo kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017, tổng số doanh nghiệp trên toàn tỉnh đạt 3.188 doanh nghiệp; trong đó, doanh nghiệp đang hoạt động là 2.894 doanh nghiệp và 294 doanh nghiệp đang trong quá trình đầu tư chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

Quy mô nguồn vốn hoạt động của các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, tính đến thời điểm 01/01/2017 là 309,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,2% so với năm trước. Trong đó, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng 60,5% tổng vốn; tiếp đến là khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng 31,9% và khu vực doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ trọng thấp nhất với 7,6%. Quy mô nguồn vốn bình quân/1 doanh nghiệp 106,9 tỷ đồng, giảm 15,6% so cùng kỳ, trong đó doanh nghiệp trong nước là 43,5 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh nghiệp FDI là 2.310 tỷ đồng/doanh nghiệp.

Trong tổng nguồn vốn, nguồn vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 47,4%, trong đó doanh nghiệp FDI vốn chủ sở hữu chiếm 60,8%.

Sự chuyển dịch lao động từ các doanh nghiệp trong nước sang các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng giảm. Tổng số lao động đang làm việc tính đến thời điểm 01/01/2017 trong khối doanh nghiệp là 197,8 nghìn người, tăng 13,6% so với năm trước, trong đó, số lao động thuộc khu vực kinh tế trong nước là 98,5 nghìn người, tăng

18,3% so với năm trước và lao động khu vực FDI là 99,3 nghìn người, tăng 6,9% so cùng kỳ. Trong đó, lao động nữ trong các doanh nghiệp chiếm 56,7% tổng số (doanh nghiệp vốn trong nước lao động nữ chiếm 37%, doanh nghiệp FDI có số lao động nữ chiếm 76,1%). Số lao động bình quân trong 1 doanh nghiệp năm 2016 là 68 người, giảm 15% so với năm trước.

Thu nhập bình quân 1 lao động/1 tháng trong năm 2016 là 9,2 triệu đồng, trong đó thu nhập bình quân/1lao động của doanh nghiệp trong nước là 5,8 triệu đồng/tháng và doanh nghiệp FDI là 12,2 triệu đồng/tháng. So với năm 2015, thu thập bình quân 1 lao động/tháng của năm 2016 cao hơn 1,5 triệu đồng/lao động/tháng (năm 2015 là 7,7 triệu đồng/tháng).

6. Kết quả sản xuất kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Năm 2017, sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn do tác động của thời tiết và do một số địa phương chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích sử dụng khác nên diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm. Sản lượng lúa cả năm 2017 đạt 379,4 nghìn tấn, giảm 5,4 nghìn tấn so với năm 2016. Nếu tính thêm 79,4 nghìn tấn ngô thì tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2017 đạt 458,8 nghìn tấn, giảm 12 nghìn tấn so với năm 2016.

Năm 2017, diện tích trồng rừng mới tập trung của toàn tỉnh đạt 7.391 ha, tăng 344 ha (tăng 4,9%) so với năm 2016, trong đó rừng sản xuất đạt 7.030,1 ha, tăng 12,9%. Sản lượng gỗ khai thác đạt 142,3 nghìn m³, tăng 5,7%.

Năm 2017, diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt 5.842 nghìn ha, trong đó, diện tích nuôi cá chiếm chủ yếu đạt 5.778 ha, còn lại là diện tích nuôi hỗn hợp, thủy sản khác và diện tích ương, nuôi giống thủy sản. Sản lượng thủy sản đạt 10.646 tấn, tăng 12,6% so với năm 2016, trong đó lượng thủy sản nuôi trồng đạt 10.467 tấn, tăng 12,7%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 179 tấn, tăng 11,9%.

- Công nghiệp

Năm 2017 sản xuất công nghiệp trên địa bàn vẫn duy trì được tốc độ phát triển khá cao. Những mặt hàng sản xuất đang phát triển mạnh như sản phẩm điện tử, viễn thông và sản xuất trang phục góp phần đưa chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp cả năm hoàn thành vượt mức so kế hoạch ở tất cả các khu vực, thành phần kinh tế.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2017 ước tính tăng 18,08% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 23,97% của năm 2016 do

ngành sản xuất phân phối điện bị sụt giảm. Trong đó ngành chế biến chế tạo tăng 18,61%, khai khoáng tăng 18,95%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 22,26%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm ở mức 8,95%.

- Thương mại, dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2017 đạt 28.394 tỷ đồng, tăng 10,7% so với năm trước (năm 2016 tăng 11,7%).

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2017 đạt 22,7 tỷ USD, tăng 19,1% so với năm 2016; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 13,8 tỷ USD, tăng 15,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2017 xuất siêu 3,7 tỷ, bằng 19,4% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

Tổng doanh thu vận tải năm 2017 đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm 2016. Sản lượng vận tải hành khách năm 2017 đạt 17,2 triệu lượt khách, tăng 9% so với cùng kỳ và luân chuyển đạt 972,5 triệu lượt khách.km tăng 7,8%. Vận tải hàng hóa năm 2017 đạt 36 triệu tấn, tăng 7% so với năm trước và luân chuyển đạt 1.445 triệu tấn.km, tăng 6,4%.

7. Một số vấn đề xã hội

- Dân số, lao động và việc làm

Dân số trung bình năm 2017 của tỉnh Thái Nguyên đạt 1.255 nghìn người, tăng 11,3 nghìn người, tương đương tăng 0,91% so với năm 2016, bao gồm dân số thành thị là 440,5 nghìn người, chiếm 35,1% tổng dân số; dân số nông thôn là 814,5 nghìn người, chiếm 64,9%; dân số nam 616,8 nghìn người, chiếm 49,2%; dân số nữ 638,2 nghìn người, chiếm 50,8%.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của toàn tỉnh năm 2017 ước tính là 768,9 nghìn người, tăng 5 nghìn người so với năm 2016. Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2017 ước tính 758,1 nghìn người, tăng 5,7 nghìn người so với năm 2016. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 43,8%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 30,9%; khu vực dịch vụ chiếm 25,3%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2017 là 1,68%, trong đó, khu vực thành thị là 2,16%, khu vực nông thôn là 1,46%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2017 là 0,47%, trong đó, khu vực thành thị là 0,21% và khu vực nông thôn là 0,58%.

- Đời sống dân cư

Năm 2016, thu nhập bình quân đầu người một tháng chung toàn tỉnh theo giá hiện hành đạt 3.023 nghìn đồng, tăng 784 nghìn đồng so với năm 2014. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn tiếp cận đa chiều năm 2017 là 9%, giảm 2,21 điểm phần trăm so với năm 2016.

Trong năm 2017, mưa lũ, ngập lụt xảy ra nhiều trên địa bàn tỉnh, tính chung trong năm đã xảy ra 38 vụ thiên tai, làm 11 người chết; 03 người bị thương; 38 nhà bị sập đổ, cuốn trôi; 1.849 nhà bị tốc mái, sạt lở, nhà bị ngập trên dưới 1m; 1.925 ha lúa và hoa màu, cây ăn quả bị ngập úng... Ước thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra khoảng hơn 160 tỷ đồng.

- Trật tự và an toàn xã hội

Năm 2017 trên địa bàn toàn tỉnh đã xảy ra 176 vụ tai nạn giao thông, làm 83 người chết và 149 người bị thương. So với năm 2016, số vụ tai nạn giao thông giảm 5 vụ (-2,76%); số người chết giảm 9 người (-9,78%) và giảm 12 người bị thương (-7,45%).

Năm 2017, toàn tỉnh xảy ra 109 vụ cháy, nổ làm 1 người chết và 1 người bị thương. Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính là 20,8 tỷ đồng. So với cùng kỳ, số vụ cháy năm nay giảm. Nguyên nhân xảy ra các vụ cháy chủ yếu do nhu cầu sử dụng điện tăng mạnh, trong khi hạ tầng truyền tải điện, thiết kế đường dây chưa đáp ứng cùng với việc bất cẩn trong sử dụng nguồn nhiệt, nguồn điện.

Khái quát lại, năm 2017 trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; các ngành kinh tế vẫn duy trì được đà tăng trưởng và phát triển, nhất là ngành công nghiệp; xuất khẩu tăng so với cùng kỳ và có xuất siêu, các chương trình dự án lớn đã đi vào sản xuất ổn định, một số dự án phát triển đô thị đang được triển khai đầu tư... góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách đạt cao, về trước hơn 2 tháng so với dự toán. An sinh và phúc lợi xã hội được bảo đảm; các chính sách xã hội được quan tâm, thực hiện đầy đủ, tạo điều kiện ổn định và cải thiện đời sống dân cư; trật tự an toàn giao thông được kiểm soát...

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả nổi bật, kinh tế trên địa bàn tỉnh còn đối mặt với những khó khăn như: thiên tai, mưa lũ gây thiệt hại về người và tài sản ở một số địa phương; giá nông sản, thực phẩm, nhất là giá thịt lợn giảm mạnh tác động đến chăn nuôi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống người chăn nuôi cũng như kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp cả năm 2017.

TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SO VỚI NĂM TRƯỚC

Growth rate of some main indicators compared to the previous year (%)

